

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2024/DS-PT

Ngày: 15-4-2024

V/v: Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam

Ông Nguyễn Thành Công

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2024/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn T1, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T1: Anh Trần Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; có mặt.

- **Bị đơn:**

1. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; có mặt.

2. Ông Trần Viết Ch (tên khác: Trần Văn Ch), sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Viết Ch: Anh Trần Văn T3, sinh năm 1995; Trú tại : Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 16 xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; có mặt.

2. NLQ2, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

3. NLQ3, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

4. NLQ4, sinh năm 1959;

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ4: Ông Trần Văn T2, sinh năm 1955; có mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định;

5. NLQ5, sinh năm 1959;

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ5: Ông Trần Viết Ch, sinh năm 1972; có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09-02-2023 cùng lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Cụ Trần Văn Đặng, chết năm 2017 và cụ Trần Thị Sợi, chết năm 2011, hai cụ có 6 con gồm NLQ2, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn T2, NLQ1, NLQ3, ông Trần Viết Ch. Cụ Đặng, cụ Sợi có diện tích 620m² tại xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định, và được cấp Giấy chứng nhận cho chủ sử dụng hộ cụ Đặng từ năm 1997. Hai cụ không để lại di chúc gì về việc phân chia thừa kế. Sau khi bố mẹ ông T1 chết tất cả anh em trong gia đình đều chưa họp bàn về việc phân chia tài sản thừa kế đất đai của bố mẹ ông. Mặc dù chưa được đồng ý của anh em trong gia đình nhưng ông Trần Văn T2 đã tự ý xây công trình diện tích đất của bố mẹ để lại là một phần ông T2 đang sử dụng, một phần ông Ch đang sử dụng. Nay ông yêu cầu Tòa phân chia thừa kế đối với tài sản là thửa đất do bố mẹ ông đã để lại theo pháp luật và đề nghị Tòa án buộc ông T2 không được thay đổi hiện trạng sử dụng đất tranh chấp. Vị trí diện tích đất của hai cụ Đặng và cụ Sợi để lại 620m² nằm ở giữa vị trí đất hiện tại ông T2 đang xây dựng và kéo theo

phần phía sau nhà ông Ch.

Bị đơn là ông Trần Văn T2, cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày và đề nghị: Ông T2 không có ý kiến gì về thành phần gia đình, thời điểm bố mẹ ông T2 chết. Năm 1997 bố mẹ ông T2 đã họp anh em trong gia đình và bố ông đã chia thừa đất thành 3 phần cho ba anh em là ông T1, ông T2, ông Ch, được sự đồng ý của 6 người con và có văn bản "Di chúc chuyển lại cho con cháu" đề ngày 01-8- 1997. Văn bản này do ông T2 là người viết, có chữ ký của cụ Đặng và cả 6 anh chị em trong gia đình. Vị trí đất khi bố mẹ ông còn sống thì ở trên toàn bộ khu đất hiện tại mà ông đang xây dựng công trình nhà ở và kéo sang phần sau nhà ông Ch. Hiện tại ông T1 còn đang lấn chiếm đất diện tích của bố mẹ 16,2m². Nay ông T1 yêu cầu Tòa án chia thừa kế diện tích đất 620m² của bố mẹ để lại ông không nhất trí, ông đề nghị Tòa án công nhận ý nguyện của bố ông đã phân chia đất cho các con.

Bị đơn là ông Trần Viết Ch trình bày và đề nghị: Ông nhất trí với ý kiến của ông T2. Hiện tại ông đang sử dụng diện tích đất của bố mẹ ông để lại có một ít ao và một ít vườn tạm, hiện nay hiện trạng công trình phụ của bố mẹ ông vẫn còn trên đất đất, nhà bố mẹ ông giáp thửa đất nhà ông Hoạt. Phần đất hiện tại ông đang ở được cấp Giấy chứng nhận từ năm 1997 cũng do bố ông cho. Ngoài phần đất bố mẹ ông đã cho đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998 thì, ông đã được bố mẹ cho phần đất được cấp Giấy chứng nhận cho bố mẹ trước khi bố mẹ chết. Nay ông T1 yêu cầu Tòa án chia thừa kế diện tích đất 620m² của bố mẹ để lại ông không nhất trí, ông đề nghị Tòa án công nhận ý nguyện của bố ông đã phân chia đất cho ông, ông Ch và ông T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3, NLQ2 và NLQ1 trình bày: Thống nhất trí với quan điểm của ông T2 và ông Ch, bố mẹ các ông, bà đã phân chia phần đất 620m² cho ông T1, ông T2, ông Ch có sự thống nhất của 6 người con và có văn bản kèm theo. Nay ông T1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thì các ông bà không đồng ý, nguyện vọng các ông bà vẫn giữ nguyên quan điểm mà bố mẹ các ông bà đã thống nhất trong "Di chúc". Trong trường hợp phải chia di sản, thì các ông, bà đều thống nhất nhường quyền thừa kế cho ông T2 và ông Ch, không yêu cầu hai ông phải thanh toán giá trị di sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ4 (là vợ ông Trần Văn T2): Ủy quyền cho chồng là Trần Văn T2 tham gia tố tụng, không có quan điểm riêng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5 (là vợ ông Trần Viết Ch): Ủy quyền cho ông Trần Viết Ch tham gia tố tụng, không có quan điểm riêng.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định toàn bộ thửa đất số 77 tờ bản đồ số 25 toàn bộ thửa đất có 3 hộ đang sử dụng có ranh giới theo công trình xây dựng, có diện tích theo hiện trạng công trình: Hộ ông T1 628m², hộ ông T2 318m², hộ ông Ch 620,8m². Phần đất tranh chấp thừa kế một phần nằm tại phần đất ông T1 sử dụng và một phần đất của ông Ch đang sử dụng. Phần đất ông T2 sử dụng: 01 nhà ở một tầng xây tường 220 gạch TuyLen chưa vào áo mới xây dựng xong phần thô tích tích khoảng 80m², phần móng nhà xây từ năm 1997, phần tường xây đầu năm 2023. 01 khung nhà mái bằng tường 220 gạch tuy len kết cấu khung bê tông cốt thép đã xây dựng xong phần thô diện tích khoảng 200m², phần móng xây từ năm 1997 phần tường xây đầu năm 2023 (Do ông T2 cung cấp). Về phần đất ông Ch sử dụng: Trên đất có một bếp xây tường 220 gạch chỉ nền láng xi măng nhà cấp 4 xây dựng năm 1995 cao 3,3 dài 5,5 x 3,8; 01 mái tôn diện tích 8,25m²; 01 nhà mái ngói không còn giá trị sử dụng; 01 bể nước 21,78m³ đều xây dựng vào năm 1995); 01 cây hòe cao khoảng 5m, 01 cây hòe cao khoảng 3m, 01 cây cau khoảng 2m; 01 cây nhãn cao khoảng 2 m. 01 cây khế cao khoảng 2,5m; 01 cây Đào cao khoảng 2m và một số hoa màu khác.

Giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp: 5.000.000 đồng/m².

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Giao An, huyện Giao Thủy cho thấy:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo Bản đồ địa chính xã Giao An năm 1987 đất tranh chấp nằm tại các thửa 75 diện tích 456m² đứng tên Đặng, và thửa đất số 77 diện tích 464m² đứng tên Đặng; thửa đất 74 diện tích 446m² đứng tên Đặng (các cụ Đặng, Đặng là anh em và là con cụ Đặng, cụ Đặng và cụ Đặng đều đã chết, cụ Đặng đã chuyển đi nơi khác sinh sống từ khoảng 30 năm trước) đều thuộc tờ bản đồ số 1a. Theo bản đồ lập năm 1997, đất tranh chấp 620m² nằm tại thửa số 77, tờ bản đồ số 25 đứng tên cụ Đặng nằm chung diện tích đứng tên ông T1 650; diện tích hộ ông Ch 360m². Như vậy 3 thửa đất số 74, 75 và 77 theo bản đồ năm 1987 đã được hợp nhất chung thửa theo bản đồ năm 1997. Hiện nay Ủy ban nhân dân xã không lưu giữ về tài liệu về việc chuyển quyền sử dụng đất.

Năm 1998, các hộ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận theo diện đại trà cấp hàng loạt, quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Văn T1, hộ ông Trần Viết Ch, hộ cụ Trần Văn Đặng theo số liệu bản đồ năm 1997, các phần diện tích chung thửa không xác định ranh giới.

Về công trình xây dựng trên thửa đất: Hộ ông T1 và hộ ông Ch đã xây dựng ở ổn định từ trước năm 2000, riêng hộ ông T2 thì mới xây dựng từ đầu năm 2023

thì xảy ra tranh chấp. Về lý do diện tích giảm là do việc mở đường và sai số đo đạc. Tuy nhiên cụ thể diện tích giảm do mở đường không có số liệu chính xác.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T1 chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Trần Văn Đăng (chết ngày 12-5-2017) và cụ Trần Thị Sợi (chết ngày 17-5-2011).

2. Xác định di sản của cụ Trần Văn Đăng và cụ Đặng Thị Sợi có diện tích 515,9m² trị giá 2.579.500.000 đồng.

3. Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, cụ Trần Văn Đăng và cụ Đặng Thị Sợi tặng cho ông Trần Văn T2 80m² đất.

4. Xác định người được hưởng thừa kế gồm NLQ2, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn T2, NLQ1, NLQ3, ông Trần Viết Ch mỗi người được nhận 85,983m² tương đương 429.910.000 đồng.

5. Ghi nhận việc NLQ2, NLQ3 và NLQ1 nhường quyền thừa kế và không yêu cầu ông Trần Văn T1 và ông Trần Viết Ch thanh toán di sản được hưởng.

6. Chia di sản, cụ thể như sau:

- Ông Trần Văn T1 được quyền sử dụng 85,9m² (đất ở 49,9m², đất vườn 6,9m², đất ao 29,1m²) trong đó có: 82,8m² tại phần đất ông Ch đang sử dụng, có các cạnh: Cạnh giáp đất ông Hoạt (theo mép ngoài tường bao và tường nhà của ông Hoạt) dài 10,3m, cạnh giáp đường phía bắc dài 8m cạnh giáp đất ông Ch (phía Tây) dài 10,3m, cạnh giáp đất ông Ch (phía Nam) dài 8m và 3,1m² phần đất ông T1 đang sử dụng, có các cạnh: Cạnh giáp đất chia cho ông T2 (phía Đông, theo mép ngoài tường bao của hộ ông T2) dài 9,1m, cạnh giáp đất chia cho ông T2 (phía Bắc, theo mép ngoài tường bao của hộ ông T2) dài 0,34m, cạnh giáp đất của ông T1 (phía Đông) dài 9,1m, cạnh giáp đất chia cho ông T2 (phía Nam) dài 0,34m.

- Ông Trần Văn T2 được quyền sử dụng 318m² đất (đất ở 184,7m², đất vườn 25,6m², đất ao 107,7m²), có các cạnh: Cạnh giáp đất ông Hoán có 3 đoạn dài lần lượt dài 5.3, 2.3 và 10.4; cạnh giáp đất chia cho ông T1 (theo mép ngoài tường bao của hộ ông T2) có 3 đoạn lần lượt dài 13.7m, 9.1m, 13.3m; cạnh giáp đường dài 6,7m; cạnh giáp đất ông Ch dài 28,7m.

- Ông Trần Viết Ch được quyền sử dụng 192m² đất (đất ở 111,5m², đất vườn 15,5m², đất ao 65m²), có các cạnh: Cạnh giáp đất chia cho ông Hoạt dài 11,6m, cạnh giáp đất chia cho ông T1 có 2 đoạn dài 8m, 10,3m; cạnh giáp đường phía Bắc dài 4,7m, cạnh giáp đất của hộ ông Ch (đã được cấp Giấy chứng nhận) dài 22,1m; cạnh giáp đất chia cho ông T2 dài 12,6m. Ông Trần Viết Ch có trách nhiệm tháo dỡ, thu dọn toàn bộ tài sản trên đất để giao đất cho ông Trần Văn T1.

(Đất chia thừa kế tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 25 bản đồ địa chính xã Giao An, huyện Giao Thủy đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 702098 cấp ngày 18- 4- 1998; có sơ đồ kèm theo).

7. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án này. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ cụ Trần Văn Đặng để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự.

8. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 06- 6- 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 31/7/2023, ông Trần Văn T1 làm đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án chấp nhận đơn kiện của ông nhưng lại công nhận cho ông Trần Văn T2 diện tích 80 m² và xác định di sản của bố ông để lại còn 515,9 m². Qua đó, giao chia cho ông sử dụng 85,9 m² đất gồm một phần diện tích ông đang sử dụng và 82,2m² tại phần đất phía trong là chưa thỏa đáng. Bởi lẽ: Bố ông chưa từng tặng cho hay lập bất kỳ văn bản gì về việc tặng cho ông Trần Văn T2 diện tích 80 m² nhưng Tòa án dựa vào móng nhà ông T2 đã xây dựng để xác định bố mẹ ông đã cho ông T2 là không có căn cứ pháp luật. Tòa án giao cho ông phần diện tích nằm sâu phía trong mảnh đất và quay ra ngõ nhỏ trong khi ông T2 được giao nằm ở mặt ngõ lớn là chưa đảm bảo công bằng và quyền lợi cho ông. Vì vậy, ông kháng cáo một phần bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các nội dung kháng cáo nêu trên của ông.

Ngày 27/7/2023, ông Trần Viết Ch làm đơn kháng cáo với nội dung: Diện tích đất 620 m² của bố ông là Trần Văn Đặng đã để lại cho hai anh em là Trần Văn T2 và Trần Viết Ch có di chúc ngày 01/8/1997 và được mọi người nhất trí cao. Ngoài ra, bố ông còn để lại ngôi nhà chiều dài 12m, chiều ngang 05m, chiều cao 4,5m, mái lợp cói biển, tường xây 3 mặt để lại cho ba người con là Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Viết Ch và đã ghi vào di chúc. Ông T1 đã tự động tháo dỡ

và lấy hết tài sản thừa kế. Như vậy, ông T1 mất đạo hiếu làm con và chia rẽ tình cảm anh em trong gia đình; Vợ chồng ông còn chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ cho đến ngày 11/5/2017; Tòa án chia đất trên tổng diện tích đất 620 m² là không đảm bảo tính công bằng cũng như không có sự đồng thuận của anh em và không đúng di chúc để lại. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy; Ngoài ra, ngày 27/10/2023 và ngày 09/11/2023 ông Ch và anh Trần Văn T3 (con trai ông Ch) còn trình bày: Diện tích đất 360 m² là gia đình bỏ tiền ra mua chứ không phải phần đất được hưởng từ ông bà. Gia đình ông đã được cấp sổ đỏ từ năm 1998.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS đề nghị chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Trần Văn T1, ông Trần Viết Ch.

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn T1, ông Trần Viết Ch nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn T1:

Cụ Trần Văn Đặng chết vào năm 2017 và vợ là cụ Trần Thị Sợi chết vào năm 2011. Vì vậy, có hai thời điểm mở thừa kế là năm 2011 và năm 2017 và việc xác định di sản thừa kế, hàng thừa kế và chia thừa kế theo Bộ luật Dân sự năm 2005 và 2015. Tuy nhiên, các tình tiết phát sinh các quan hệ về thừa kế trong vụ án này quy định trong hai Bộ luật Dân sự là như nhau. Vì vậy, căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn Đặng và cụ Trần Thị Sợi gồm: NLQ2, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn T2, NLQ1, NLQ3, ông Trần Viết Ch. Vì vậy, 06 người con của cụ Đặng, cụ Sợi được hưởng di sản của hai cụ.

Về vị trí, diện tích đất: Theo Bản đồ lập năm 1997, đất tranh chấp 620m² nằm tại thửa số 77, tờ bản đồ số 25 đứng tên cụ Đặng nằm chung diện tích đứng tên ông T1 650m²; diện tích hộ ông Ch 360m²; toàn bộ thửa đất này có tổng diện tích toàn thửa đất là 1630m². Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thấy diện tích đất ông T1 đang sử dụng 628m², ông T2 sử dụng 318m², ông Ch sử dụng 620,8m²; tổng cộng toàn thửa đất hiện có 1.566,8m², giảm 63,2m² so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận cho hộ cụ Đặng, hộ ông T1 và hộ ông Ch; diện tích giảm là do mở đường. Do chưa có việc xác định ranh giới của các phần đất đã nêu trên bản đồ địa chính nên diện tích đất giảm được tính vào cả 03 phần đất của thửa đất theo tỷ lệ diện tích theo số liệu bản đồ, cụ thể phần đứng tên cụ Đặng còn 595,9m², phần đất đứng tên ông T1 624,9m² và ông Ch là 346m². Các phần đất đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, đến nay không có tranh chấp về việc cấp Giấy chứng nhận; căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất cũng như lời trình bày của các đương sự về khu vực đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Đặng, qua đó xác định diện tích đất 595,9m² hiện ông T1 đang sử dụng 3,1m², ông T2 sử dụng 318m², ông Ch đang sử dụng 274,8m².

Như vậy, diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ Trần Văn Đặng và cụ Trần Thị Sợi trước khi chết tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 25 bản đồ địa chính xã Giao An, huyện Giao Thủy được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 702098 cấp ngày 18- 4- 1998 là đất 595,9m².

Đối với nội dung kháng cáo của ông Trần Văn T1 cho rằng: Bố ông chưa từng tặng cho hay lập bất kỳ văn bản gì về việc tặng cho ông Trần Văn T2 diện tích 80 m² nhưng Tòa án dựa vào móng nhà ông T2 đã xây dựng để xác định bố mẹ tôi đã cho ông T2 là không có căn cứ pháp luật. Về vấn đề này, HĐXX nhận định: Ông Trần Văn T2 đã xây dựng móng nhà với diện tích 80m² vào năm 1997 khi cụ Đặng và cụ Sợi còn sống nhưng các cụ không có ý kiến gì. Trên thực tế, trong 03 người con cụ Đặng sinh sống tại xã Giao An thì ông T2 chưa được quyền sử dụng đất do cha ông để lại trong khi đó ông T1, ông Ch đều đã hưởng phần đất riêng, cụ thể: Ông T1 được hưởng phần diện tích đất là 620m² (hiện còn 624,9m²) ông Ch được hưởng phần diện tích đất là 360m² (hiện còn 346m²). Mặc dù, tài liệu có tiêu đề "Di chúc chuyển lại cho con cháu" đề ngày 01- 8- 1997 do ông Trần Văn T2 xuất trình không phải là "Di chúc" hợp pháp nhưng trong nội dung

thể hiện ý chí định đoạt của cụ Đặng và có chữ ký của anh chị em ruột trong gia đình. Đây được xác định là chứng cứ quan trọng để xác định việc tặng cho của cụ Đặng đối với diện tích 80 m² mà ông T2 đã xây dựng nhà hai tầng kiên cố. Phần diện tích này nằm trong khuôn viên hiện nay gia đình ông T2 đang sử dụng. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T1 mà công nhận cho ông T2 được sử dụng diện tích 80 m² và không đưa vào phần diện tích đất là di sản thừa kế để phân chia.

Tóm lại, phần diện tích đất được xác định là di sản thừa kế của cụ Đặng và cụ Sợi còn lại là $595,9 \text{ m}^2 - 80 \text{ m}^2 = 515,9 \text{ m}^2$.

Đối với tài liệu có tiêu đề "Di chúc chuyển lại cho con cháu" đề ngày 01-8-1997 do ông Trần Văn T2 xuất trình không phải là "Di chúc" hợp pháp, bởi: Người viết "Di chúc" là ông Trần Văn T2, "Di chúc" không được công chứng, chứng thực nên phải có người làm chứng không phải là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đặng (người lập "Di chúc"). Tuy nhiên trường hợp những người có họ tên trong "Di chúc" đều là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. "Di chúc" có nhiều trang nhưng chỉ có chữ ký "Đặng" tại trang cuối, nội dung "Di chúc" cũng chưa rõ ràng. Ngày 01-8-1997, lập "Di chúc" nhưng đến ngày 18/4/1998 thì hộ cụ Đặng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, cụ Đặng viết "Di chúc" nhưng di chúc chưa phát sinh hiệu lực thì cụ Đặng đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất mang tên hộ cụ Đặng. Vì vậy, cứ vào các Điều 631, 632 và 634 của Bộ luật Dân sự 1995 (Luật có hiệu lực thời điểm lập Di chúc); Tòa án xác định tài liệu đã nêu là di chúc không hợp pháp. Ngoài ra, nếu xác định cụ Đặng "tặng cho" đất thì Hợp đồng cũng vô hiệu do chưa được đăng ký theo quy định pháp luật và không thể hiện ý kiến của cụ Sợi. Do đó, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn T1 được chấp nhận.

Về việc chia thừa kế: Di sản $515,9 \text{ m}^2$ đất $\times 5.000.000 \text{ đ/m}^2 = 2.579.500.000$ đồng được chia cho 6 người được hưởng thừa kế, mỗi phần thừa kế được hưởng $85,983 \text{ m}^2$ tương đương 429.910.000 đồng.

Căn cứ vào hiện trạng công trình xây dựng trên đất thừa kế, việc phân chia không làm ảnh hưởng đến các công trình xây dựng của ông T2 và ông Ch. Hội đồng xét xử chia đất cho ông Trần Văn T1 01 kỷ phần thừa kế là 86 m² (làm tròn số) tại phần đất ông Ch đang sử dụng; Năm 1998, các hộ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận theo diện đại trà, quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Văn T1, hộ ông Trần Viết Ch, hộ cụ Trần Văn Đặng theo số liệu bản đồ năm 1997 các phần diện tích chung thừa không xác định ranh giới. Theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất của hộ ông T1, ông T2, ông Ch lập ngày 07-4-2023 của Chi nhánh văn

phòng đăng ký đất đai huyện Giao Thủy thì mốc giới ông T1 và ông T2 nhận không thể hiện phần diện tích đất thừa kế 3,1 m² do ông T1 đang sử dụng. Bản án sơ thẩm nhận định phần diện tích đất 3,1 m² mà ông T1 đang sử dụng để đối trừ vào phần diện tích ông T1 được chia thừa kế là không chính xác và không phù hợp với thực tế sử dụng đất. HĐXX quyết định sửa bản án sơ thẩm, điều chỉnh lại vị trí và diện tích đất phân chia cho ông T1 phù hợp với thực trạng đất thừa kế.

Đối với kỷ phần thừa kế của ông Trần Văn T2 và ông Trần Viết Ch: Giai đoạn xét xử sơ thẩm, NLQ3, NLQ2 và NLQ1 thống nhất nhường quyền thừa kế cho ông T2 và ông Ch, không yêu cầu hai ông phải thanh toán giá trị phần di sản được chia. Tuy nhiên, đến giai đoạn xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa thì NLQ2, NLQ3, NLQ1 chỉ nhường kỷ phần thừa kế cho ông T2 chứ không cho ông Ch. Việc NLQ2, NLQ3 và NLQ1 nhường kỷ phần thừa kế cho ông T2 là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy, kỷ phần thừa kế được chia cho ông T1 là 86 m² và ông Ch là 86 m², phần diện tích còn lại chia toàn bộ cho ông T2. Cụ thể, ông T2 được chia là $515,9 \text{ m}^2 - 172 \text{ m}^2 = 343,9 \text{ m}^2$.

Đối với nội dung kháng cáo của ông Trần Văn T1: Đề nghị Tòa án giao cho ông phần diện tích nằm sâu phía trong mảnh đất và quay ra ngõ nhỏ trong khi ông T2 được giao nằm ở mặt ngõ lớn là chưa đảm bảo công bằng và quyền lợi cho ông. Ông đề nghị phá dỡ các công trình trên đất, trả lại mặt bằng và chia di sản thừa kế của cụ Đặng và cụ Sợi theo quy định của pháp luật: HĐXX nhận định, căn cứ hiện trạng sử dụng đất và các công trình xây dựng kiên cố trên đất thì việc giao kỷ phần thừa kế cho ông T1 tại vị trí đất theo quyết định của Bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T1.

Ngoài ra, ông Trần Văn T1 còn đề nghị: Năm 1972, khi cụ Sợi bị trúng bom, ông cũng thường xuyên chăm sóc, đưa mẹ ông đi điều trị tại bệnh viện nên đề nghị tính phần công sức nuôi dưỡng và chăm nom cho ông khi chia di sản thừa kế. HĐXX xác định nội dung này không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Viết Ch:

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng diện tích đất 620 m² của bố ông Trần Văn Đặng đã để lại cho hai anh em là Trần Văn T2 và Trần Viết Ch có di chúc ngày 01/8/1997 và được mọi người nhất trí cao. Ngoài ra bố ông còn để lại ngôi nhà chiều dài 12m, chiều ngang 05m, chiều cao 4,5m, mái lợp cói biển, tường xây 3 mặt để lại cho ba người con là Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Viết Ch và đã ghi vào di chúc. Như nhận định tại mục [1] thì tài liệu có tiêu đề "Di chúc chuyển

lại cho con cháu" đề ngày 01- 8- 1997 là di chúc không hợp pháp. Vì vậy, nội dung kháng cáo này ông Ch không được chấp nhận.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng: Ông T1 đã tự động tháo dỡ và lấy hết tài sản thừa kế; ông T1 mất đạo hiếu làm con và chia rẽ tình cảm anh em trong gia đình; vợ chồng ông còn chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ cho đến ngày 11/5/2017. HĐXX phúc thẩm thấy rằng những tài sản tháo dỡ và công chăm sóc nuôi dưỡng bố mẹ thì ông Ch không yêu cầu giải quyết tại cấp sơ thẩm nên không có căn cứ không xem xét giải quyết; việc ông Ch cho rằng ông T1 mất đạo hiếu làm con không nằm trong phạm vi giải quyết vụ án. Vì vậy, nội dung kháng cáo này không được HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

Đối với nội dung kháng cáo: Đề nghị phân chia di sản thừa kế đối với phần đất ở vị trí góc sâu (phía đường dong xóm) cho phù hợp, vì phía trong đường dong xóm theo vị trí đất thừa kế không có công trình có giá trị trên phần đất này. HĐXX căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất xác định chiều dài của diện tích đất thừa kế dọc theo đường dong xóm là 12.7 m nhưng bản án sơ thẩm quyết định giao cho ông T1 chiều dài mặt đường dong xóm 08 m là chưa phù hợp với thực tế. HĐXX quyết định điều chỉnh lại phần diện tích, vị trí đất giao cho ông T1 để đảm bảo công bằng và phù hợp nhu cầu sử dụng thực tế. Cụ thể, chia cho ông T1 chiều dài mặt đường dong xóm 6,35 m, chia cho ông Ch chiều dài mặt đường dong xóm là 6,35m.

Ngoài ra, ngày 27/10/2023 và ngày 09/11/2023 ông Ch và anh Trần Văn T3 (con trai ông Ch) còn trình bày: Diện tích đất 360 m² là gia đình bỏ tiền ra mua chứ không phải phần đất được hưởng từ ông bà. Gia đình ông đã được cấp bìa đỏ từ năm 1998. Việc mua đất của ông Ch không có văn bản, tài liệu nào chứng minh nên HĐXX không có căn cứ xem xét giải quyết.

[6] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xác định quan hệ pháp luật, tư cách của những người tham gia tố tụng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc phân chia diện tích cho ông T1 và ông Ch chưa phù hợp với hiện trạng của thửa đất nên HĐXX giao kỹ phần thừa kế cho phù hợp với hiện trạng, đảm bảo quyền và lợi ích cho các đương sự; Tại phiên tòa phúc thẩm, NLQ2, NLQ3 và NLQ1 thống nhất toàn bộ diện tích đất là kỹ phần thừa kế cho ông Trần Văn T2 và không yêu cầu ông T2 phải thanh toán giá trị. Việc tặng cho kỹ phần thừa kế của NLQ2, NLQ3 và NLQ1 là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận, HĐXX giao toàn bộ diện tích đất kỹ phần thừa kế

của NLQ2, NLQ3 và NLQ1 cho ông T2 quản lý, sử dụng. Như vậy, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn T1, ông Trần Viết Ch và chấp nhận việc tự nguyện cho kỷ phần thừa kế của NLQ2, NLQ3, NLQ1 đối với ông Trần Văn T2. HĐXX quyết định sửa bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí: Bản án phúc thẩm sửa về phân chia giá trị di sản là quyền sử dụng nhưng ông T1, NLQ2, NLQ3, NLQ1, ông T2 thuộc trường hợp được miễn án phí nên HĐXX không phải sửa bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm. Kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Trần Viết Ch không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Văn T1 là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 124, khoản 3 Điều 132, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn T1 và ông Trần Viết Ch; sửa bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

1.1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T1 chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Trần Văn Đăng (chết ngày 12-5-2017) và cụ Trần Thị Sợi (chết ngày 17-5-2011).

1.2. Xác định di sản là quyền sử dụng đất của cụ Trần Văn Đăng và cụ Đăng Thị Sợi có diện tích 515,9 m² trị giá 2.579.500.000 đồng.

1.3. Công nhận tặng cho quyền sử dụng đất của cụ Trần Văn Đăng và cụ Đăng Thị Sợi cho ông Trần Văn T2 80 m².

1.4. Xác định người được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất gồm NLQ2, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn T2, NLQ1, NLQ3, ông Trần Viết Ch mỗi người được nhận 85,983m² (làm tròn số là 86 m2) tương đương 429.910.000 đồng.

1.5. Ghi nhận việc NLQ2, NLQ3 và NLQ1 nhường kỹ phần thừa kế là quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T2 và không yêu cầu ông Trần Văn T2 phải thanh toán giá trị di sản.

2. Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

- Ông Trần Văn T1 được quyền sử dụng 86m² (làm tròn số) tại phần đất ông Ch đang sử dụng, các chiều cạnh như sau: Cạnh giáp đất ông Hoạt (theo mép ngoài tường bao và tường nhà của ông Hoạt) dài 13,54 m, cạnh giáp đường phía bắc dài 6,35m, cạnh giáp đất ông Ch (phía Tây) dài 13,54m, cạnh giáp đất ông Ch (phía Nam) dài 6,35 m.

- Ông Trần Văn T2 được quyền sử dụng 423,9m² đất; trong đó: Diện tích đất được công nhận tặng cho là 80 m², diện tích đất được chia thừa kế gồm cả phần của NLQ2, NLQ3 và NLQ1 là 343,9 m²; Các chiều cạnh như sau: Cạnh giáp đất ông Hoán và ông Hoạt có 3 đoạn dài lần lượt dài 13,86, 2.3 và 10.4; cạnh giáp đất ông T1 (theo mép ngoài tường bao của hộ ông T2) có 3 đoạn lần lượt dài 14.04 m, 9.1m, 13.3m; cạnh giáp đường dài 6,7m; cạnh giáp đất ông Ch có 03 đoạn lần lượt dài 16,1m, 8,56m, 12,7m.

- Ông Trần Viết Ch được quyền sử dụng 86 m² đất tại phần đất ông Ch đang sử dụng có các chiều cạnh: Cạnh giáp đất chia cho ông T1 dài 13,54 m, cạnh giáp đường phía Bắc dài 6,35 m, cạnh giáp đất của hộ ông Ch (đã được cấp Giấy chứng nhận) dài 13,54 m, cạnh giáp đất chia cho ông T2 dài 13,54 m. Ông Trần Viết Ch có trách nhiệm tháo dỡ, thu dọn toàn bộ tài sản trên đất để giao đất cho ông Trần Văn T1 và ông Trần Văn T2.

(Đất chia thừa kế tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 25 bản đồ địa chính xã Giao An, huyện Giao Thủy đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 702098 cấp ngày 18- 4- 1998; có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Viết Ch không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông Trần Viết Ch số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000495 ngày 07/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Ông Trần Văn T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tuấn